

Số: 50 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
và ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát
triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026
- 2035;*

*Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-
2030;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-TTg ngày 28/4/2026 của Thủ tướng
Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và
thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới
hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai
đoạn 2026- 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
9816/TTr-SNNMT ngày 29/7/2026;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định quy định áp dụng Bộ
tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và ban hành tiêu chí xã nông thôn mới
hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
và ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa
bàn tỉnh Nghệ An, gồm:

a) Quy định áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn
2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Phụ lục I).

b) Tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn
tỉnh Nghệ An (Phụ lục II);

M

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các xã đối với các nội dung tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại được giao phụ trách; thẩm tra kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại được giao phụ trách tại các xã theo đề nghị của các xã;

b) Phối hợp với cơ quan được giao nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh thẩm định kết quả xây dựng nông thôn mới của các xã.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đơn đốc UBND các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại nêu trên khi phát sinh các vấn đề cần điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức triển khai quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo quy định.

3. UBND các xã:

a) Căn cứ quy định các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh liên quan, chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn xã; từ đó xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp theo lộ trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và điều kiện thực tế của địa phương;

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại theo quy định;

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội hàng năm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đa dạng các hình thức tuyên truyền về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

M

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 8 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *My*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành PL (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M). *6*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phùng Thành Vinh

Phụ lục I
QUY ĐỊNH ÁP DỤNG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIẢI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 50 /2026/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có quy hoạch chi tiết cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch phân khu (nếu có) hoặc quy hoạch chung xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt		Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Có quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc nội dung quy hoạch chung xã có tích hợp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn		Không quy định	

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$; - Có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển đô thị.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$; - Có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực.	- Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương đạt tỷ lệ $\geq 50\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		bảo an toàn, tin cậy và ổn định					
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo TCVN 11856:2017 hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên theo quy định	Có chợ đạt tiêu chí theo quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có chợ đạt tiêu chí theo quy định và chợ có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên.	Có chợ đạt tiêu chí theo quy định hoặc có một trong các loại hình bán lẻ khác phù hợp (siêu thị hạng 1,2,3, siêu thị kinh doanh thực phẩm, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp) theo quy định.	Sở Công Thương
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	≥9,5%	≥9,5%	≥9,5%	Thống Kê tỉnh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

M

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm					
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Có ít nhất 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Có ít nhất 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Có ít nhất 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc có ít nhất 01 mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp điều kiện thực tế của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	- Có kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026-2030; - Tỷ lệ chủ thể là các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tỷ lệ phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh duy trì tối thiểu bằng kết quả ở thời điểm ngày 31/12 của năm trước liền kề năm đánh giá.			Sở Nông nghiệp và Môi trường
				- Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn hoặc có ít nhất 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ít nhất 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên;	- Có sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao trở lên còn thời hạn;		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	- Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá)			
				-100% điểm du lịch nông thôn trong quy hoạch trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP;	-100% điểm du lịch nông thôn trong quy hoạch trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó có ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥01	Không quy định	≥01	≥01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	≥40%	≥60%	≥50%	≥40%	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	- Xã có kế hoạch và triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn hoặc tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;			- Sở Tài chính; hướng dẫn nội dung doanh nghiệp, hộ kinh doanh;

M

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				- Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 12\%$; - Số lao động tham gia đóng BHXH tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 6\%$.	- Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 11\%$; - Số lao động tham gia đóng BHXH tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 6\%$.	- Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh thành lập mới tăng trung bình trong 02 năm liên tiếp liền kề trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 10\%$; - Số lao động tham gia đóng BHXH tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh tăng so với năm trước năm được đề nghị xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt $\geq 6\%$.	- Bảo hiểm xã hội tỉnh: hướng dẫn nội dung số lao động tham gia đóng BHXH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	≥ 01	≥ 01	≥ 01	- Khu kinh tế Đông Nam: hướng dẫn nội dung Khu công nghiệp; - Sở Công Thương: hướng dẫn nội dung cụm công nghiệp; - Sở Nông nghiệp và Môi trường: hướng dẫn nội dung làng nghề.
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2 Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Tỉ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt chuẩn quốc gia			Sở Giáo dục và Đào tạo
				$\geq 90\%$	$\geq 80\%$	$\geq 70\%$	
				- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; - Duy trì, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; - Giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở;			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				Tỉ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương			
				≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%	
				Tỉ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác			
				≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%	
				- Có trung tâm học tập cộng đồng và được nâng cấp thành trung tâm học tập số; - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.			
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế	
	5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước	Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy	Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
				sạch theo quy chuẩn $\geq 80\%$ (trong đó $\geq 50\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	sạch theo quy chuẩn $\geq 70\%$ (trong đó $\geq 30\%$ từ công trình cấp nước tập trung)	chuẩn $\geq 40\%$	
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ² ”	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	- Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo ở cấp xã. Tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý là nữ ở cấp xã giai đoạn 2026 -2030 đạt từ 25% trở lên; - Các mô hình phát triển kinh tế ở nông thôn (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực...) có ít nhất 40% phụ nữ tham gia; - Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở và lịch đăng tải/phát sóng được lưu đầy đủ; - Có ít nhất 01 nơi tạm lánh hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình ở cấp xã, do địa phương bố trí ở địa điểm phù hợp; -Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.			Sở Nội vụ
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Có 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt	Đạt	Không quy định	Sở Công Thương
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	≥01 mô hình	≥01 mô hình	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥ 90%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥ 85%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón					
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ³ , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường; - Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$.			Sở Xây dựng
				Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn bảo vệ môi trường.	Không quy định	Không quy định	



³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Nội vụ
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
10	Tiếp cận pháp luật và An	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Sở Tư pháp

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã			Đơn vị phụ trách thực hiện
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	ninh, Quốc phòng	10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh tại cùng thời điểm (Thống kê tỉnh là cơ quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá, thẩm định kết quả thực hiện).

3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, bao gồm:

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách thực hiện
1	Hạ tầng số và năng lượng	1.1. Tỷ lệ thôn có hạ tầng Internet băng rộng	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng	$\geq 90\%$	
		1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (trụ sở xã, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế, điểm du lịch...) được kết nối internet băng rộng	100%	
		1.4. Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, thiết bị phục vụ hội nghị trực tuyến	Đạt	
		1.5 Có hạ tầng Internet vạn vật (IoT) và bảng điện tử công cộng (nếu có) bảo đảm kết nối với nền tảng giám sát/IOC cấp tỉnh triển khai	Đạt	
		1.6 Hạ tầng mạng Lan nội bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng và hệ thống thông tin liên quan của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc	Đạt	

Mw

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách thực hiện
		1.7. Có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông kết nối với thông tin nguồn cấp tỉnh	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		1.8. Tỷ lệ công trình công cộng (trụ sở các cơ quan/đơn vị, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...) được lắp đặt, sử dụng điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất hoặc các nguồn năng lượng mới, tái tạo khác.	$\geq 10\%$	Sở Công Thương
		1.9. Tỷ lệ hộ gia đình được lắp đặt, sử dụng điện năng lượng mặt trời mái nhà tự sản xuất hoặc các nguồn năng lượng mới, tái tạo khác.	$\geq 5\%$	
2	Nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.1. Có mô hình nông nghiệp thông minh hoặc kinh tế số nông thôn do hợp tác xã hoặc doanh nghiệp vận hành (<i>khuyến khích mô hình có sự tham gia của thanh niên và phụ nữ</i>)	≥ 01 mô hình	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2 Tỷ lệ sản phẩm Ocop (3 sao trở lên) và các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (từ cấp tỉnh trở lên) của xã được trưng bày, giới thiệu hoặc bán trên các nền tảng số thương mại điện tử	$\geq 85\%$	Sở Công thương
		2.3. Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe	$\geq 95\%$	Sở Y tế
		2.4. Có mô hình chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục và đào tạo	≥ 01 mô hình	Sở Giáo dục và Đào tạo
		2.5. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đang đạt chuẩn quốc gia; trong đó có	Đạt	

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách thực hiện
		≥30% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2		
		2.6. Có thư viện điện tử/không gian đọc số tại xã, Đài truyền thanh thông minh, bản đồ số, QR, nội dung quảng bá số về du lịch và di sản văn hóa	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	3.1 Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; Chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Sở Y tế
		3.2. Có mô hình kinh tế tập thể, tổ hợp tác hoặc mô hình sản xuất, kinh doanh do phụ nữ làm chủ hoặc tham gia quản lý, điều hành hoạt động hiệu quả	≥ 01 mô hình	Sở Nội vụ
		3.3. - Có mô hình thúc đẩy bình đẳng giới hoạt động hiệu quả; - Tỷ lệ vụ việc bạo lực trên cơ sở giới được tiếp nhận, hỗ trợ, xử lý theo quy định.	≥ 01 mô hình 100%	
		3.4. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥ 50%	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	4.1. Có mô hình chuyển đổi số phục vụ công tác bảo đảm ANTT trên địa bàn	≥ 01 mô hình	Công an tỉnh
		4.2 Có hoạt động y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Đạt	Sở Y tế
		4.3. Không có điểm nóng về ô nhiễm môi trường	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		4.4. Môi trường sống giàu bản sắc văn hóa	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Cảnh quan, môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn	5.1. Hệ thống tuyến đường trục xã, trục thôn, ngõ xóm, khu trung tâm, khu dân cư được chỉnh trang đồng bộ, bảo đảm sáng - xanh -sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường

/w

STT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách thực hiện
		5.2 Có không gian xanh công cộng (cây xanh, mặt nước, khu sinh hoạt ngoài trời) phục vụ cộng đồng	Đạt	
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải	≥ 01 mô hình	
		5.4 Có hạ tầng thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt đáp ứng yêu cầu	Đạt	
6	An ninh trật tự	6.1 An ninh trật tự được đảm bảo	Đạt	Công an tỉnh
		6.2. Lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	Đạt	

/m